

Bản án số: 29/2020/HNGĐ

Ngày 14/7/2020.

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nghĩa.

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hoa và bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Mỹ Tho - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Điền.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền tham gia phiên tòa: Ông ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Long Điền, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020, về việc tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Phước T, sinh năm 1970; Nghề nghiệp: Tài xế;

Địa chỉ: 49 B, khu phố LT, thị trấn LĐ, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Bị đơn: Bà Trang Thị Kim L, sinh năm 1972; Nghề nghiệp: Buôn bán;

Địa chỉ: 2/6 B, ấp A, xã AN, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Ông T và bà L có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

* Tại đơn khởi kiện, bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, ông Trần Phước T có yêu cầu như sau:

Ông T và bà Trang Thị Kim L chung sống từ năm 2011, không đăng ký kết hôn. Ông T và bà L chung sống đến năm 2012 tại nhà ông T (tại thôn L, thị trấn LĐ) thì do ông T làm kinh tế bị thất bại, ông T bỏ đi không chung sống với bà L nữa, hai người ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay ông T yêu cầu được ly hôn đối với bà L.

- Về con chung: Có 01 con chung là Trần Phước T Khôi, sinh ngày 25/6/2013. Bà L yêu cầu được nuôi dưỡng con, ông T đồng ý, ông T chấp nhận yêu cầu của bà L về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không tranh chấp về tài sản chung với bà L; Về nợ chung: Ông T và bà L không có nợ chung.

* Tại bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bà Trang Thị Kim L có ý kiến như sau:

Bà L và ông T chung sống từ năm 2011, không đăng ký kết hôn. Bà L và ông T chung sống đến năm 2012 tại nhà ông T thì do ông T thiếu nợ nhiều người và ông T bỏ đi không chung sống với bà L nữa, hai người ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay ông T yêu cầu ly hôn thì bà L đồng ý.

- Về con chung: Có 01 con chung là Trần Phước TK, sinh ngày 25/6/2013. Bà L yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng, kể từ tháng 8 năm 2020.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không tranh chấp về tài sản chung với ông T; Về nợ chung: Ông T và bà L không có nợ chung.

* Đại diện VKSND huyện Long Điền phát biểu ý kiến:

Về thủ tục xét xử vụ án: Ông Trần Phước T và bà Trang Thị Kim L tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện VKSND huyện Long Điền đề nghị TAND huyện Long Điền không công nhận ông T và bà L là vợ chồng, công nhận sự thỏa thuận giữa ông T và bà L về việc nuôi con như sau: bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Phước TK, ông T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.500.000 đồng.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Long Điền.

[2] Về nội dung vụ án, xét thấy:

Bà Trang Thị Kim L và ông Trần Phước T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2011, không đăng ký kết hôn. Bà Trang Thị Kim L và ông Trần Phước T chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì ly thân với nhau.

Xét thấy bà Trang Thị Kim L và ông Trần Phước T không đăng ký kết hôn, nay có yêu cầu ly hôn nên áp dụng điều 9; khoản 1 điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận bà L và ông T là vợ chồng.

Về con chung:

Bà Trang Thị Kim L và ông Trần Phước T có 01 con chung là Trần Phước TK, sinh ngày 25/6/2013.

Qua lời trình bày và yêu cầu của các đương sự, cho thấy: Khi bà L và ông T ly thân thì Trần Phước T Khôi được bà L nuôi dưỡng. Nên giao cho bà L nuôi dưỡng con là phù hợp thực tế, đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con. Bà L yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng, kể từ tháng 8 năm 2020 và ông T chấp nhận.

xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con phù hợp với quy định pháp luật, nên được tòa án công nhận.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, bà L và ông T có thể yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L và ông T không có tranh chấp tài sản chung, nợ chung nên không xét đến.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điều 9; khoản 1 điều 14; điều 81, điều 82, điều 84, điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình, điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án :

1/- Tuyên bố: Không công nhận ông Trần Phước T và bà Trang Thị Kim L là vợ chồng.

2/- Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Trần Phước T và bà Trang Thị Kim L như sau:

- Ông Trần Phước T và bà Trang Thị Kim L có một người con chung là Trần Phước T Khôi, sinh ngày 25/6/2013;

Bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng em Trần Phước TK;

Ông Trần Phước T phải cấp dưỡng nuôi con đối với em Trần Phước TK kể từ tháng 8 năm 2020 đến khi em Khôi đủ 18 tuổi, mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.500.000 đồng. Tiền cấp dưỡng được giao cho bà L;

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con;

Vì lợi ích của con, khi cần thiết, bà L và ông T có thể yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3/- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Phước T và bà Trang Thị Kim L không có tranh chấp tài sản chung và nợ chung.

4/- Về án phí:

- Ông Trần Phước T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000314 ngày 16/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền; Ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trang Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5/- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo lãi suất quy định tại điều 468 bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/- Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh BRVT;
- VKSND Tỉnh BRVT;
- VKSND H. Long Điền;
- Chi cục THA-DS H. Long Điền;.
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Nghĩa.